

UBND XÃ KHOÁI CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC KHOÁI CHÂU 2

Số: 115/KH-THKC2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khoái Châu, ngày 28 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1

Năm học 2026– 2027

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT ngày 23/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thông tư 32/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018; Chương trình giáo dục phổ thông làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; Quyết định số 2422/QĐ- BGDDT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông;

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ GDĐT về Thông tư Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông;

Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất trong các cơ sở giáo dục;

Quyết định số 4746/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Khung nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục cấp tiểu học;

Quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học;

Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông;

Công văn hướng dẫn số 564/SGDĐT-GDTH ngày 09/4/2020 của Sở GD&ĐT về việc tập huấn sử dụng tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh;

Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027;

Công văn số 1686/SGDĐT-CTTT-GDTH ngày 24/6/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn hoạt động giáo dục STEM đối với giáo dục tiểu học;

Công văn số 693/SGDĐT-GDPT ngày 25/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Công văn số 752/SGDĐT-GDPT ngày 30/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nội dung giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên đối với cấp tiểu học năm học 2025-2026;

Công văn số 1563/SGDĐT-GDPT ngày 23/10/2025 của Sở GDĐT về việc tổ chức cho HS tham gia hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường của các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 03/KH-THKC2 ngày 18/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Khoái Châu 2 về ban hành khung kế hoạch thời gian tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2026-2027.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Đặc điểm tình hình học sinh của khối 1

STT	Lớp	Số HS	Nữ	ĐDT	Tỉ lệ hs/lớp	Hoàn cảnh học sinh			Số HS học 9 buổi /tuần	
						KT	HN	CN	SL	%
1	1A	35	12	33	94	1	0	0	35	100
2	1B	35	13	34	97	0	0	0	35	100
3	1C	35	15	32	91	0	0	0	35	100
4	1D	36	16	34	94	0	0	0	36	100
5	1E	34	13	34	100	0	0	0	34	100
TRƯỜNG CHÍNH		175	69	167	95	1	0	0	175	100
6	1A1	33	18	33	100	0	0	0	33	100
7	1B1	32	17	32	100	0	0	0	32	100
8	1C1	30	10	29	97	0	0	0	30	100
9	1D1	30	14	30	100	0	0	0	30	100
PHÂN HIỆU 1		125	59	124	99	0	0	0	125	100
10	1A2	38	17	37	97	0	0	0	39	100
11	1B2	38	16	37	97	1	1	1	38	100
PHÂN HIỆU 2		76	33	74	97	1	1	1	76	100
TỔNG		376	161	365	97	2	1	1	376	100

2. Tình hình đội ngũ của khối 1

2.1. Thông tin về đội ngũ

STT	Họ và tên CB, GV	Năm nhập ngành	Trình độ	Chức danh NN	CC Tin học	CC ngoại ngữ
1	Phan Thị Đào	1990	Thạc sĩ	GVTH hạng 2	x	x
2	Tràng Thị Thuỷ	1996	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
3	Đỗ Thị Phương	1997	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
4	Lê Thị Hồng	1998	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
5	Bá Thị Tuyền	1988	CĐ	GVTH hạng 3		
6	Đỗ Thị Phương Liên	1995	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
7	Đặng Thị Ngọc Ánh	2015	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
8	Lê Thị Hằng	1997	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
9	Phạm Thị Thanh Thuỷ	2014	ĐH	GVTH hạng 2	x	x
10	Nguyễn Thị Bích	2013	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
11	Nguyễn Thị Huyền	2018	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
12	Phan Thị Hằng	2011	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
13	Bá Thị Thuý	2013	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
14	Bùi Văn Sự	2001	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
15	Đỗ Kim Tuyền	2002	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
16	Nguyễn Thị Mai Anh	2001	ĐH	GVTH hạng 3	x	x

17	Đỗ Thanh Hải	2000	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
18	Đỗ Thị Hương Dịu	2003	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
19	Ngô Quốc Soái	2001	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
20	Tường Thị Hải Yến	2024	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
21	Lê Thị Hạnh	2005	ĐH	GVTH hạng 3	x	x
22	Đỗ Mạnh Ninh	2014	ĐH	GVTH hạng 2	x	
23	Đỗ Thị Hạnh	2012	ĐH	GVTH hạng 2	x	x
24	Đỗ Đắc Mạnh	2025	ĐH	GVTH hạng 3		

2.2. Kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ năm học 2025-2026

STT	Họ và tên	Đánh giá viên chức	Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp	Giáo viên dạy giỏi	
				Xã	Trường
1	Phan Thị Đào	HTXS NV	Tốt		
2	Tràng Thị Thuỷ	HTXS NV	Tốt		
3	Đỗ Thị Phương	HTXS NV	Tốt		x
4	Lê Thị Hồng	HTTNV	Khá		x
5	Bá Thị Tuyền	HTTNV	Khá		x
6	Đỗ Thị Phương Liên	HTTNV	Tốt		x

7	Đặng Thị Ngọc Ánh	HTTNV	Tốt	x	x
8	Lê Thị Hằng	HTTNV	Tốt		x
9	Phạm Thị Thanh Thuỳ	HTTNV	Tốt		x
10	Nguyễn Thị Bích	HTXSNV	Tốt	x	x
11	Nguyễn Thị Huyền	HTXSNV	Tốt	x	x
12	Phan Thị Hằng	HTXSNV	Tốt	x	x
13	Bá Thị Thuý	HTTNV	Tốt		x
14	Bùi Văn Sự	HTTNV	Khá		
15	Đỗ Kim Tuyền	HTXSNV	Tốt	x	x
16	Nguyễn Thị Mai Anh	HTTNV	Khá		
17	Đỗ Thanh Hải	HTTNV	Khá		
18	Đỗ Thị Hương Dịu	HTTNV	Khá		x
19	Ngô Quốc Soái	HTTNV	Khá		
20	Tường Thị Hải Yến	HTTNV	Khá		
21	Lê Thị Hạnh	HTTNV	Khá		
22	Đỗ Mạnh Ninh	HTTNV	Khá		x
23	Đỗ Thị Hạnh	HTXSNV	Tốt	x	x
24	Đỗ Đắc Mạnh	HTTNV			

3. Tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các lớp khối 1

Lớp	Số HS	Tủ	Bộ bàn ghế	Bảng	Đồ dùng HS	Đồ dùng GV	Máy chiếu	Ti vi
1A	35	0	18	1	35	1	0	1
1B	35	1	18	1	35	1	0	1
1C	35	1	18	1	35	1	0	1
1D	36	0	18	1	36	1	1	0
1E	34	1	17	1	34	1	0	1
TRƯỜNG CHÍNH	175	3	89	5	175	5	1	4
1A1	33	1	15	1	33	1	0	1
1B1	32	1	14	1	32	1	0	1
1C1	30	1	14	1	30	0	0	1
1D1	30	0	14	1	30	0	0	1
PHÂN HIỆU 1	125	3	57	4	125	2	0	4
1A2	38	0	19	1	38	1	0	0
1B2	38	1	19	1	38	1	1	0
PHÂN HIỆU 2	76	1	38	2	76	2	1	0
TỔNG	376	7	184	11	376	9	2	8

4. Đánh giá chung về điều kiện thực hiện chương trình 2026 – 2027

4.1. Điểm mạnh

a, Giáo viên

- Đội ngũ quản lí mới có trách nhiệm có tầm nhìn, chỉ đạo sát sao Hoạt động chuyên môn của tổ ngay từ đầu năm.
- 96% GV trong tổ đều có trình độ đạt chuẩn từ Đại học trở lên, có năng lực về chuyên môn, ham học hỏi, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề nghiệp, đáp ứng điều kiện thực hiện chương trình giáo dục của năm học 2026-2027. Nhiều đồng chí từng là GVG nhiều năm cấp trường, cấp huyện (trước kia), cấp xã (hiện nay).
- Các GV trong tổ luôn đoàn kết, nhất trí trong công tác, biết hỗ trợ giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tham gia tích cực và hiệu quả các hoạt động chuyên môn, tích cực dự giờ thăm lớp và thảo luận chuyên môn, tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

b, Học sinh

- Nhìn chung các em đều có ý thức học tập tốt, chuẩn bị đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập. Các em ngoan, chăm chỉ học tập tích cực tham gia các hoạt động tập thể của trường, lớp.

c, Phụ huynh

- Phụ huynh đều quan tâm đến việc học tập của con em mình và thường xuyên trao đổi với giáo viên để nắm bắt kịp thời tình hình học tập của con em mình.
- Thường xuyên kết hợp với nhà trường trong mọi phong trào. Luôn quan tâm, hỗ trợ, động viên thầy và trò thúc đẩy hoạt động dạy và học.

d, Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học.

- Số phòng học đảm bảo đủ điều kiện cho 1 lớp/ 1 phòng học 9 buổi/tuần.
- Có máy chiếu và ti vi để phục vụ cho việc giảng dạy được hiệu quả hơn.
- Có mạng Internet để GV truy cập, báo cáo thông tin, trong quá trình dạy học.
- Có đủ thiết bị đồ dùng, sách giáo khoa, sách hướng dẫn, tài liệu tham khảo để phục vụ cho công tác giảng dạy và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ.

4.2. Điểm yếu

- Một số phòng học, phòng chức năng bị xuống cấp, chưa có sân tập để tổ chức giáo dục thể chất, đặc biệt ở phân hiệu 1 (Bình Kiều) và phân hiệu 2 (Liên Khê)

- Một số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ đi làm ăn kinh tế nên ít quan tâm đến việc học tập của con em mình.

- Các em còn nhỏ nên ý thức tự giác trong học tập chưa cao, khả năng làm việc cá nhân còn hạn chế, hay quên sách vở, ĐDHT, ăn mặc chưa sạch sẽ, gọn gàng, vệ sinh cá nhân chưa tốt.

- Trong khối còn có HS tăng động giảm chú ý, còn 6 HS lưu ban.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

TT	Môn học	Số tiết học từng môn của lớp 1		
		HK1	HK2	CN
I	Môn học bắt buộc			
1	Tiếng Việt	216	204	420
2	Toán	54	51	105
3	Tiếng Anh 1			
4	Đạo đức	18	17	35
5	TNXH	36	34	70
6	Lịch sử và Địa lí			
7	Khoa học			
8	Tin học và công nghệ			
9	Giáo dục thể chất	36	34	70

10	Âm nhạc	18	17	35
12	Mĩ thuật	18	17	35
II	Hoạt động giáo dục bắt buộc			
13	HĐTN	54	51	105
		450	425	875
III	Môn học tự chọn			
14	Tiếng Anh	36	34	70
IV	Hoạt động buổi 2			
15	Củng cố tăng cường	56	51	107
16	An toàn giao thông	5	0	5
17	Học, đọc thư viện	11	17	28
18	Năng lực số	18	17	35
		90	85	175
Tổng số tiết cả năm		576	544	1120
Số tiết/tuần		1120 tiết/35 tuần		
(Cả năm học)				
Số buổi dạy/tuần		9 buổi/tuần		

IV. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

1. Môn Tiếng Việt 1

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng		
1		Bài 1: Làm quen với trường lớp, bạn bè/7	1	GD ĐDL: -Trách nhiệm: Biết thực hiện đúng nội quy trường lớp là thể hiện trách nhiệm của học sinh với nhà trường - Sống kỷ luật và tuân thủ pháp luật: Thực hiện đúng nội quy trường lớp. Tích hợp liên môn - TNXH Bài 7: Cùng khám phá trường học (Trải nghiệm trong, ngoài lớp học)	Tên bài dạy CĐ: Khám phá trường học, làm quen với bạn bè, thầy cô.
		Bài 2: Làm quen với đồ dùng học tập/8	1		
		Bài 3: Làm quen với tư thế đọc, viết, nói, nghe/9	2		
		Bài 4: Làm quen với các nét cơ bản/12	2		
		Bài 5: Làm quen với các chữ số và dấu thanh/12	2		
		Bài 6: Làm quen với bảng chữ cái/13	2	*NLS 2.1.CB1a	

				HS thực hành trên bảng tương tác hoặc thiết bị của GV.(HD làm quen bảng chữ cái)	
		Ôn bảng chữ cái	2		
2		Bài 1: A, a/14	2		
		Bài 2: B, b /16	2		
		Bài 3: C, c, ' /18	2		
		Bài 4: E, e, Ê, ê /20	2	QCN-HĐ7: Quyền được học tập, vui chơi	Liên hệ
		Bài 5: Ôn tập - Kể chuyện/22	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
3		Bài 6: O o Dấu hỏi /24	2		
		Bài 7: Ô ô Dấu nặng /26	2		
		Bài 8: D d Đ đ/28	2		
		Bài 9: Ơ ơ . Dấu ngã/30	2		

		Bài 10: Ôn tập - Kể chuyện/32	2	GDQCN-HĐ5: Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe và thân thể.	Liên hệ
		Ôn tập về chủ đề chào hỏi	2		
4		Bài 11: I I K k/34	2		
		Bài 12: H h L l/36	2		
		Bài 13: U u Ư ư/38	2		
		Bài 14: Ch ch Kh kh/40	2		
		Bài 15: Ôn tập - Kể chuyện/42	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
		Bài 16: M n, N n/44	2		
5		Bài 17: G g G gi/46	2		
		Bài 18: Gh gh Nh nh/48	2		
		Bài 19: Ng ng Ngh ngh/50	2		

		Bài 20: Ôn tập - Kể chuyện/52	2	GDQCN - HĐ 5: Quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân	Liên hệ
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
6		Bài 21: R r S s/54	2		
		Bài 22: T t Tr tr/56	2	ANQP - HĐ7: GD học sinh yêu biển đảo và bảo vệ biển đảo của đất nước.	Liên hệ
		Bài 23: Th th ia/58	2	ANQP - HĐ3: Giới thiệu về thủ đô Hà Nội nơi có cột cờ Hà Nội và nêu ý nghĩa của Cột cờ Hà Nội.	Liên hệ
		Bài 24: ua ưa/60	2	GDQCN-HĐ7: Quyền được tham gia	Liên hệ
		Bài 25: Ôn tập - Kể chuyện/62	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
7		Bài 26: Ph ph Qu qu/64	2		
		Bài 27 : Vv Xx/66	2		
		Bài 28 : Y y/68	2		

		Bài 29: Luyện tập chính tả/70	2		
		Bài 30: Ôn tập - Kể chuyện/72	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
8		Bài 31: an ăn ân/74	2		
		Bài 32: on ôn ơn/76	2		
		Bài 33: en ên in un/78	2	Tăng thêm thời lượng dạy 1 tiết	
		Bài 33: en ên in un/78	1		
		Bài 34: am ăm âm/80	2		
		Bài 35: Ôn tập - Kể chuyện/82	2	GDQCN - HĐ5 :Quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân	Liên hệ
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	1	Giảm thời lượng dạy 1 tiết	
9		Bài 36: om ôm ơ/84	2		
		Bài 37: em êm im um/86	2	Tăng thêm thời lượng dạy 1 tiết	

		Bài 37: em êm im um/86	1		
		Bài 38: ai ay ây/88	2		
		Bài 39: oi ôi ơi/90	2		
		Bài 40: Ôn tập - Kể chuyện/92	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	1	Giảm thời lượng dạy 1 tiết	
10		Bài 41: ui ưi/94	2		
		Bài 42: ao eo/42	2		
		Bài 43: au âu êu/98	2		
		Bài 44: iu ưu/44	2		
		Bài 45: Ôn tập - Kể chuyện/102	2		

		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
11		Bài 46: ac ăc âc/104	2		
		Bài 47: oc ôc uc ưc/106	2	GDQCN - HĐ 7: Quyền riêng tư Tăng thêm thời lượng dạy 1 tiết	
		Bài 47: oc ôc uc ưc/106	1		
		Bài 48: at ăt ât/108	2		
		Bài 49: ot ôt ơt/110	2	GDQCN - HĐ7: Quyền riêng tư, quyền được tham gia.	Liên hệ
		Bài 50: Ôn tập - Kể chuyện/112	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	1	Giảm thời lượng dạy 1 tiết	
12		Bài 51: et êt it/114	2		
		Bài 52: ut ưt/116	2		
		Bài 53: ap ăp âp/118	2		

		Bài 54: ơp ơp ơp/120	2		
		Bài 55: Ôn tập - Kể chuyện/122	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
13		Bài 56: ơp ơp ơp ơp/124	2	Tăng thêm thời lượng dạy 1 tiết	
		Bài 56: ơp ơp ơp ơp/124	1		
		Bài 57: anh ênh inh/126	2		
		Bài 58: ach êch ich/128	2		
		Bài 59: ang ăng âng/130	2		
		Bài 60: Ôn tập - Kể chuyện/132	2	GDQCN - HĐ5: Quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân	Liên hệ
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	1	Giảm thời lượng dạy 1 tiết	
14		Bài 61: ong ông ung ưng/134	2	Tăng thêm thời lượng dạy 1 tiết	

		Bài 61: ong ông ung ung/134	1		
		Bài 62: iêc iên iêp/136	2	ANQP-HĐ đọc: Thông qua bài đọc giới thiệu về cảnh quan thiên nhiên của địa phương nhằm giáo dục tình yêu quê hương đất nước.	Liên hệ
		Bài 63: iêng iêm yên/138	2		
		Bài 64: iêp iêu yêu/140	2		
		Bài 65: Ôn tập - Kể chuyện/142	2		
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	1	Giảm thời lượng dạy 1 tiết	
15		Bài 66: uôi uôm/144	2	ANQP - HĐ6: HS biết về phong cảnh biển đảo, yêu biển và bảo vệ biển đảo.	Liên hệ
		Bài 67: uôc uôt/146	2		
		Ôn lại những gì đã học	2		
		Bài 68: uôn uông/148	2		

		Bài 69: ươi ươu/150	2		
		Bài 70: Ôn tập - Kể chuyện/152	2	GDQCN - HĐ5 : Quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân	Liên hệ
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
16		Bài 71: ược ươt/154	2		
		Bài 72: ươm ươp/156	2		
		Bài 73: ươn ương/158	2		
		Bài 74: oa oe/160	2		
		Bài 75: Ôn tập - Kể chuyện/162			
		Ôn đọc, viết các âm trong tuần	2		
17		Bài 76: oan oăn oat oắt/164	2		
		Bài 77: oai uê uy/166	2		

		Bài 78: uân uât/168	2	ANQP- HĐ 3: Giới thiệu công việc tuần tra của các chú bộ đội nơi biên giới (bằng hình ảnh hoặc video)	Liên hệ
		Bài 79: uyên uyêt/170	2	ANQP- HĐ1: Xem tranh Thánh Gióng; nêu bật ý nghĩa chống giặc ngoại xâm; cây chông tre...	Liên hệ
		Bài 80: Ôn tập - Kể chuyện/172	2		
		Luyện viết chữ nhỏ	2		
18		Bài 81: Ôn tập các vần đã học/174	2		
		Bài 82: Ôn tập/176	2		
		Bài 83: Ôn tập/178	2		
		Ôn tập	4		
		Kiểm tra cuối kì 1	2		
	HỌC KÌ II				

19	TÔI VÀ CÁC BẠN	Bài 1: Tôi là học sinh lớp 1/4	4	GDQCN-HĐ3: Quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân	Liên hệ
		Bài 2: Đôi tai xấu xí/8	4	GDĐĐLS-HĐ3: Qua câu chuyện và trải nghiệm cảm xúc của thỏ, biết yêu quý bản thân và học cách tôn trọng sự khác biệt của bạn bè, những người xung quanh. GDQCN - HĐ3: Quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân Tích hợp GD AI (A1.1): Hiểu rằng con người có cảm xúc tự nhiên, còn AI thì không; AI chỉ có thể mô phỏng cảm xúc qua dữ liệu. (HĐ Luyện nói)	Liên hệ
		Bài 3: Bạn của gió/12	2		
		Luyện tập, thực hành	2		
		Bài 4: Giải thưởng tình bạn/14	4	GDĐĐLS-HĐ3: Qua câu chuyện của Nai và hoẵng giáo dục học sinh biết yêu quý, quan tâm, giúp đỡ và chia sẻ với bạn bè, những người xung quanh mình.	Liên hệ
20		Bài 5: Sinh nhật của voi con/18	4		
		Bài 6: Ôn tập/22	2		

		Giới thiệu về bạn của em	2		
21	MÁI ẤM GIA ĐÌNH	Bài 1: Nụ hôn trên bàn tay/24	4	GD ĐĐLS-HĐ 3: Giáo dục các em hãy trao yêu thương tới những người thân yêu của mình như cách Nam đã đặt một nụ hôn lên tay mẹ, biết trân trọng và biết ơn tình cảm thiêng liêng mà cha mẹ dành cho con cái. GDQCN-HĐ3: Quyền được yêu thương, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng. Bồn phận của trẻ em đối với gia đình.	Liên hệ
		Bài 2: Làm anh/28	2		
		Bài 3: Cả nhà đi chơi núi/30	4		
		Luyện viết chính tả	2		
22		Bài 4: Quạt cho bà ngủ/34	2	GDQCN-HĐ4: Cảm nhận được giá trị của gia đình, biết yêu thương và quý trọng ông bà, người thân trong gia đình.	
		Bài 5: Bữa cơm gia đình/36	4	GDDĐLS-HĐ3: Qua câu chuyện của gia đình bạn Chi, giáo dục các em biết yêu thương, gắn bó với gia đình, người thân. Có kĩ năng làm công việc nhà giúp đỡ ông bà, cha mẹ.	Liên hệ

				GDQCN- HĐ3: Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha mẹ.	
		Bài 6: Ngôi nhà/40	2	GDĐĐLS-HĐ2: Cảm nhận được giá trị của gia đình, biết yêu thương và bày tỏ tình cảm của bản thân với anh chị em trong gia đình. GD ĐĐLS-HĐ 6: Kể về anh chị mình: HS đóng vai là một người em để kể về anh chị, nói lời cảm ơn anh vì anh đã luôn nhường nhịn, yêu thương mình. GDQCN-HĐ3: Quyền được yêu thương, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng. Bỏ phận của trẻ em đối với gia đình.	Liên hệ
		Bài: Ôn tập/42	2		
		Giới thiệu về gia đình của em	2		
23	MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU	Bài 1: Tôi đi học/44	4	GDĐĐLS - HĐ3: Xây dựng và phát triển tình cảm đối với bạn bè, thầy cô, trường lớp. GDĐĐLS-HĐ 9/47: Thông qua nội dung bài hát với chủ điểm ngày đầu đi học, giáo dục HS nêu cảm xúc riêng của mình ngày đầu đến trường. GDQCN - HĐ3: Quyền được học tập.	Liên hệ

24		Bài 2: Đi học/48	2		
		Bài 3: Hoa yêu thương/50	4	GDĐĐLS - HĐ3: Biết cách thể hiện tình yêu và lòng biết ơn của Hà đối với cô giáo qua hình ảnh. GDĐĐLS-HĐ vẽ tranh: Qua đó, HS có thể học hỏi thêm về ý tưởng sáng tạo của Hà. Tích hợp GD AI (A2.1): Hiểu rằng AI được tạo ra để phục vụ nhưng không thể thay thế tư duy, cảm xúc và sự sáng tạo của con người. (HĐ Vẽ tranh)	Liên hệ
		HĐTN: Kể về ngày đầu tiên đến trường	2		
		Bài 4: Cây bàng và lớp học/54	2		
		Bài 5: Bác trồng trường/56	4		
		Bài 6: Giờ ra chơi/60	2	GDQCN- HĐ3: Quyền được vui chơi	
		Ôn tập/62	2		
25	ĐIỀU EM CẦN BIẾT	HĐTN: Khám phá về mái trường mến yêu	2		
		Bài 1: Rửa tay trước khi ăn/64	4	GDQCN- HĐ 3: Quyền được chăm sóc sức khỏe.	Liên hệ

		Bài 2: Lời chào/68	2	GDQCN-HĐ3: Quyền được giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.	Liên hệ
		Bài 3: Khi mẹ vắng nhà/70	4	GDQCN - HĐ 3: Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực.	Liên hệ
		HĐTN: Thực hành rửa tay	2	Trải nghiệm ngoài lớp học	
26		Bài 4: Nếu không may bị lạc/74	4	GDQCN -HĐ 3: Quyền được bảo vệ để không bị bắt cóc.	Liên hệ
		Bài 5: Đèn giao thông/78	4	*NLS 1.1.CB1a HS biết sử dụng các thiết bị điện thoại, máy tính khi tìm hiểu về các biển báo giao thông. (HĐ đọc)	
		Bài: Ôn tập/82	2		
		Trải nghiệm những Điều em cần biết	2		
27	BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG	Bài 1: Kiến và chim bồ câu/84	4	GDDĐLS - HĐ9: Từ việc học sinh nhận xét được hành vi của người thợ săn là sai, giáo dục mỗi chúng ta cần có ý thức bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ các loài động vật trong tự nhiên; giữ gìn vệ sinh môi trường sống.	Liên hệ

28		Bài 2: Câu chuyện của rễ/88	2		
		Bài 3: Câu hỏi của sói/90	4	GDDĐLS - HĐ 3 : Sói lúc nào cũng cảm thấy buồn bực vì sói hay gây gỗ nên không có bạn bè. Mỗi chúng ta muốn có nhiều người bạn tốt chúng ta cần biết đoàn kết, giúp đỡ và chia sẻ với nhau. Tranh gây gỗ, làm mất đoàn kết với bạn bè và những người xung quanh.	Liên hệ
		Ôn tập cuối tuần	2		
		Bài 4: Chú bé chăn cừu/94	4	GDDĐLS - HĐ3: Qua câu chuyện của chú bé chăn cừu, nhắc nhở các em không nên nói dối bởi nói dối sẽ làm cho mọi người không còn tin tưởng và cũng không còn yêu quý mình nữa.	Liên hệ
		Bài 5: Tiếng vọng của núi/98	4		
		Ôn tập/102	2		
		HĐTN: Bài học từ cuộc sống	2		

29	THIÊN NHIÊN KÌ THỨ	Bài 1: Loài chim của biển cả/104	4			
		Bài 2: Bảy sắc cầu vồng/108	2			
		Bài 3: Chúa tể rừng xanh/110	4			
		Ôn tập cuối tuần	2			
30		Bài 4: Cuộc thi tài năng rừng xanh/114	4			
		Bài 5: Cây liễu dẻo dai118	4			
		Ôn tập/122	2			
	Luyện viết- Phân biệt: g/gh	2				
31	THẾ GIỚI TRONG MẮT EM	Bài 1: Tia nắng đi đâu?/124	2			

32		Bài 2: Trong giấc mơ buổi sáng/126	2		
		Bài 3: Ngày mới bắt đầu/128	4		
		Bài 4: Hỏi mẹ/132	2		
		Luyện đọc, viết chứa vần uôn, uông	2		
		Bài 5: Những cánh cò/134	4	GDĐĐLS -HĐ 9: Tình yêu quê hương nơi mình được sinh ra và lớn lên. Hướng học sinh tới cái đẹp, hướng tới tương lai với cuộc sống tốt đẹp hơn.	Liên hệ
		Bài 6: Buổi trưa hè/138	2		
		Bài 7: Hoa phượng/140	2		
		Cảnh vật xung quanh em	2		
		Ôn tập/142	2		

33	ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI	Bài 1: Cậu bé thông minh/144	4	GDĐĐLS -HĐ3: GDHS tình yêu đối với con người, sự trân trọng đối với khả năng của mỗi con người.	Liên hệ
		Bài 2: Lính cứu hoả/148	4	ANQP - HĐ đọc: Giới thiệu một số hình ảnh quân đội nhân dân Việt Nam, công an nhân dân Việt Nam. Tích hợp GD AI (A1.2): Nhận biết và kể tên được một số sản phẩm hoặc thiết bị có sử dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ cuộc sống. (QS tranh và Luyện nói) *NLS 1.1.CB1a HS tìm kiếm và chọn lọc thông tin về phòng cháy chữa cháy. (HĐ Đọc)	Liên hệ
		Bài 3: Lớn lên bạn làm gì?/152	2		
		Ôn tập cuối tuần	2		
		Bài 4: Ruộng bậc thang ở Sa Pa/154	2		
34		Bài 5: Nhớ ơn/156	2	GDĐĐLS - HĐ3: Qua nội dung bài thơ, nhắc nhở và giáo dục các bạn học sinh cần nhớ	Liên hệ

				về cội nguồn, biết thể hiện tình yêu lòng biết ơn, kính trọng những người đã giúp chúng ta có cuộc sống tốt đẹp, ấm no.	
		Bài 6: Du lịch biển Việt Nam/158	4	ANQP- HĐ 3: Giúp học sinh yêu nước, yêu quê hương và có ý thức bảo vệ chủ quyền, biển đảo của đất nước.	Liên hệ
		Ôn tập/162	2		
		Rèn kĩ năng đọc, viết văn bản tự chọn	2		
35	ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ	Bài 1: Ôn tập/164	2		
		Bài 2: Ôn tập/168	2		
		Bài 3: Ôn tập/170	2		
		Ôn tập cuối năm học	4		
		Kiểm tra cuối năm học	2		
		Tổng	420		

2. Môn Toán 1

Tuần,	Nội dung chương trình	Nội dung điều chỉnh, bổ	Ghi chú
-------	-----------------------	-------------------------	---------

tháng	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng	sung (nếu có)	
1	CHỦ ĐỀ 1: CÁC SỐ TỪ 0 ĐẾN 10	Tiết học đầu tiên /6 Bài 1: Các số 0,1,2,3,4,5/6 (Tiết 1)	1		
		Bài 1: Các số 0,1,2,3,4,5/6 (Tiết 2)	1		
		Bài 1: Các số 0,1,2,3,4,5/8 (Tiết 3)	1		
2		Bài 2: Các số 6,7,8,9,10/ 14 (Tiết 1)	1		
		Bài 2: Các số 6,7,8,9,10/ 14 (Tiết 2 +3)	2	Thay: Bài học STEM- Trải nghiệm cùng khay 10 học toán (2 tiết)	
		3	Bài 3: Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau/ 20 (Tiết 1)	1	- Tích hợp AI - 1.D2.1: Nhận biết máy thông minh có thể thực hiện một việc như nhận biết, so sánh hình ảnh; bước đầu hiểu AI có thể xử lý hình ảnh để so sánh số lượng vật thể nhanh chóng. (HĐKP)
Bài 3: Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau/ 20 (Tiết 2)			1		
Bài 4: So sánh số/24 (Tiết 1)			1		
4			Bài 4: So sánh số/24 (Tiết 2)	1	

5	CHỦ ĐỀ 2: LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH PHẪNG	Bài 4: So sánh số/24 (Tiết 3)	1		
		Bài 4: So sánh số/24 (Tiết 4)	1		
		Bài 5: Máy và máy /32 (Tiết 1)	1		
		Bài 5: Máy và máy /32 (Tiết 2)	1		
		Bài 5: Máy và máy /32 (Tiết 3)	1		
6		Bài 6: Luyện tập chung/38 (Tiết 1)	1		
		Bài 6: Luyện tập chung/38 (Tiết 2)	1		
		Bài 6: Luyện tập chung/38 (Tiết 3)	1		
7		Bài 6: Luyện tập chung/38 (Tiết 4)	1		
		Bài 7: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật/46 (Tiết 1)	1		
	Bài 7: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật/46 (Tiết 2)	1			
	8	Bài 8: Thực hành lắp ghép, xếp hình/50 (Tiết 1)	2	Bài học STEM: Thực hành trang trí lớp học bằng các hình hình học (02 tiết).	
Bài 8: Thực hành lắp ghép, xếp hình/50 (Tiết 2)					
Bài 9: Luyện tập chung/54		1			
9	CHỦ ĐỀ 3: PHÉP	Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10/56 (Tiết 1)	1		

	CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10	Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10/56 (Tiết 2)	1		
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10/56 (Tiết 3)	1		
10		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10/56 (Tiết 4)	1		
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10/56 (Tiết 5)	1		
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10/56 (Tiết 6)	1		
11		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10/68 (Tiết 1)	1		
		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10/68 (Tiết 2)	1		
		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10/68 (Tiết 3)	1	NLS 2.1.CB1a: Lựa chọn được các phương tiện giao tiếp đơn giản thích hợp cho một bối cảnh cụ thể. (HDLT)	
12		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10/68 (Tiết 4)	1		
		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10/68 (Tiết 5)	1		

		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10/68 (Tiết 6)	1		
13		Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10/80 (Tiết 1)	1		
		Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10/80 (Tiết 2)	1		
		Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10/80 (Tiết 3)	1		
14		Bài 13: Luyện tập chung/86 (Tiết 1)	1		
		Bài 13: Luyện tập chung/86 (Tiết 2)	1		
		Bài 13: Luyện tập chung/86 (Tiết 3)	1		
15	CHỦ ĐỀ 4: LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH KHỐI	Bài 14: Khối lập phương, khối hộp chữ nhật/92	1		
		Trải nghiệm: Quan sát và xếp hình khối bằng vật thật.	1		
		Bài 15: Vị trí, định hướng trong không gian/96	1	Tích hợp AI: 1.C1.2: Hiểu được AI có khả năng hiểu các mệnh lệnh đơn giản của	

				con người; biết robot cần mệnh lệnh vị trí chính xác (trái, phải, trước, sau) để di chuyển đến đúng mục tiêu. (HDLT)	
16		Bài 16: Luyện tập chung/100	1		
	CHỦ ĐỀ 5: ÔN TẬP HỌC KÌ 1	Bài 17: Ôn tập các số trong phạm vi 10/102 (Tiết 1)	1		
		Bài 17: Ôn tập các số trong phạm vi 10/102 (Tiết 2)	1		
17		Bài 18: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10/106 (Tiết 1)	1		
		Bài 18: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10/106 (Tiết 2)	1		
		Bài 19: Ôn tập hình học/ 110	1		
18		Trải nghiệm: Trò chơi “Mảnh ghép bí mật”.	1		
		Bài 20: Ôn tập chung/ 112	1		
		Kiểm tra cuối học kì I	1		
HỌC KÌ II (51 tiết)					

19	CHỦ ĐỀ 6: CÁC SỐ ĐẾN 100	Bài 21. Số có hai chữ số/4 (Tiết 1)	1		
		Bài 21. Số có hai chữ số/4 (Tiết 2)	1		
		Bài 21. Số có hai chữ số/4 (Tiết 3)	1		
20		Bài 21. Số có hai chữ số/4 (Tiết 4)	1		
		Bài 21. Số có hai chữ số/4 (Tiết 5)	1		
		Bài 21. Số có hai chữ số/4 (Tiết 6)	1		
21		Bài 22. So sánh số có hai chữ số/16 (Tiết 1)	1		
		Bài 22. So sánh số có hai chữ số/16 (Tiết 2)	1		
		Bài 22. So sánh số có hai chữ số/16 (Tiết 3)	1		
22		Bài 23. Bảng các số từ 1 đến 100/22	2	Dạy GD STEM NLS 1.1.CB1a: Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình; bước đầu biết lựa chọn từ khóa phù hợp, quan sát và đối chiếu thông tin tìm được với nhiệm vụ học tập.	
		Bài 24. Luyện tập chung/24	1		

23	CHỦ ĐỀ 7: ĐỘ DÀI VÀ ĐO ĐỘ DÀI	Bài 25. Dài hơn, ngắn hơn/28 (Tiết 1)	1			
		Bài 25. Dài hơn, ngắn hơn/28 (Tiết 2)	1			
		Bài 26. Đơn vị đo độ dài/32 (Tiết 1)	1			
24		Bài 26. Đơn vị đo độ dài/32 (Tiết 2)	1			
		Bài 27. Thực hành ước lượng và đo độ dài/36	1			
		Hoạt động trải nghiệm: Em đo độ dài	1	Thực hành TN		
25		Bài 28: Luyện tập chung/40 (Tiết 1)	1			
		Bài 28: Luyện tập chung/40 (Tiết 2)	1			
		26	CHỦ ĐỀ 8: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 100	Bài 29: Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số/44 (Tiết 1)	1	
Bài 29: Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số/44 (Tiết 2)				1		
Bài 30: Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số/48 (Tiết 1)	1					
Bài 30: Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số/48 (Tiết 2)	1					
27		Bài 31: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số/52 (Tiết 1)	1			

28		Bài 31: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số/52 (Tiết 2)	1			
		Bài 31: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số/52 (Tiết 3)	1			
		Bài 32: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số/58 (Tiết 1)	1			
		Bài 32: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số/58 (Tiết 2)	1			
		Bài 32: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số/58 (Tiết 3)	1			
29		Bài 33: Luyện tập chung/64 (Tiết 1)	1			
		Bài 33: Luyện tập chung/64 (Tiết 2)	1			
		Bài 33: Luyện tập chung/64 (Tiết 3)	1			
30			Bài 33: Luyện tập chung/64 (Tiết 4)	1		
		CHỦ ĐỀ 9: THỜI GIAN. GIỜ VÀ LỊCH	Bài 34: Xem giờ đúng trên đồng hồ/72 (2 tiết)	2	Dạy GD STEM - Tích hợp AI 1.A2.1: Kể tên được một số thiết bị có sử dụng AI như loa thông minh, trợ lý ảo; biết dưới sự hướng dẫn của giáo viên có thể hỏi	

				trợ lý ảo về thời gian để hỗ trợ xem giờ và quản lí lịch trình cá nhân.	
31		Bài 35: Các ngày trong tuần/76 (Tiết 1)	1		
		Bài 35: Các ngày trong tuần/76 (Tiết 2)	1		
		Bài 36: Thực hành xem lịch và giờ/80 (Tiết 1)	1		
32		Bài 36: Thực hành xem lịch và giờ/80 (Tiết 2)	1		
		Bài 37: Luyện tập chung/84 (Tiết 1)	1		
		Bài 37: Luyện tập chung/84 (Tiết 2)	1		
33	CHỦ ĐỀ 10: ÔN TẬP CUỐI NĂM	Bài 38: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10/88 (Tiết 1)	1		
		Bài 38: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10/88 (Tiết 2)	1		
		Bài 38: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10/88 (Tiết 3)	1		

34		Bài 39: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100/94 (Tiết 1)	1		
		Bài 39: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100/94 (Tiết 2)	1		
		Bài 39: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100/94 (Tiết 3)	1		
35		Bài 40: Ôn tập hình học và đo lường/100	1		
		Bài 41: Ôn tập chung/104	1		
		Kiểm tra cuối năm	1		
		TỔNG	105		

3. Môn Đạo đức 1

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học		
1	CHỦ ĐỀ 1:	Bài 1: Em giữ sạch đôi tay /6	1	* GDQCN- HĐKP: Quyền được chăm sóc sức khỏe	

	TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN			- Bản phận trẻ em đối với bản thân. (HĐ Vận dụng)	
2		Bài 2: Em giữ sạch răng miệng /8	1	* GDQCN-HĐKP: Học sinh được thực hiện quyền được chăm sóc sức khỏe và có bản phận giữ gìn vệ sinh cho bản thân. * GD ĐĐLS- HĐVD: Hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh, sống lành mạnh, tự tin khi giao tiếp.	
3		Bài 3: Em tắm, gội sạch sẽ /8	1	* GDQCN-HĐKP: Trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được sống trong môi trường trong lành và sạch sẽ.	
4		Bài 4: Em giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ /12	1	* GDQCN-HĐKP: Quyền được chăm sóc sức khỏe. - Bản phận trẻ em đối với bản thân. (HĐ Vận dụng)	
5	CHỦ ĐỀ 2: YÊU THƯƠNG GIA ĐÌNH	Bài 5: Gia đình của em (Tiết 1) /14	1	* GDQCN- HĐKP: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha mẹ; quyền được sống chung với cha mẹ.	

6		Bài 5: Gia đình của em (Tiết 2) /17	1	* GD ĐĐLS- HĐLT : Hình thành tình yêu thương, tôn trọng, biết ơn và sẻ chia trong gia đình.	
7	CHỦ ĐỀ 3: QUAN TÂM, CHĂM SÓC NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH	Bài 6: Lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ, anh chị /20	1	* GD ĐĐLS- HĐLT : Hình thành tình yêu thương, tôn trọng, biết ơn và sẻ chia trong gia đình.	
8		Bài 7: Quan tâm, chăm sóc ông bà / 22	1	* GD ĐĐLS-HĐKP : Giáo dục học sinh lòng biết ơn, hiếu thảo đối với ông bà - những người đã sinh thành, nuôi dưỡng, dạy dỗ cha mẹ và các em.	
9		Thực hành kĩ năng giữa Kỳ 1	1		
10		Bài 8: Quan tâm, chăm sóc cha mẹ/ 24	1	* GD ĐĐLS -HĐKP&VD : Giáo dục học sinh biết yêu thương, hiếu thảo, quan tâm, chăm sóc cha mẹ bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.	
11		Bài 9: Chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ /26	1	* GDQCN-HĐKP : Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ.	
12		Bài 10: Đi học đúng giờ /28	1	* GDQCN- HĐKP : Trẻ em có quyền được đi học và cần đi học đúng giờ để thực hiện tốt quyền học tập của mình.	

				Tích hợp GD AI (1.A2.2): Nhận biết công dụng của sản phẩm AI giúp hoạt động thông minh và hình thành nề nếp sinh hoạt cá nhân tốt. (HĐKP)	
13	CHỦ ĐỀ 4: THỰC HIỆN NỘI QUY TRƯỜNG, LỚP	Bài 11: Học bài và làm bài đầy đủ /30	1	*GD ĐĐLS- HĐKP, Luyện tập&VD): Học sinh biết lựa chọn việc nên làm, tránh việc không nên làm trong học tập; rèn phẩm chất chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.	
14		Bài 12: Giữ trật tự trong trường, lớp /32	1	*GD ĐĐLS- HĐKP: Học sinh biết lựa chọn việc nên làm, tránh việc không nên làm trong học tập; rèn phẩm chất chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.	
15		Bài 13: Giữ gìn tài sản của trường, lớp /34	1	*GDQCN- HĐKP: Giáo dục HS quyền được học tập trong môi trường an toàn, sạch đẹp và trách nhiệm giữ gìn tài sản chung của trường lớp.	
16		Bài 14: Giữ vệ sinh trường, lớp /36	1		

17		Bài 15: Gọn gàng, ngăn nắp /38	1	*GD ĐDLs: Giáo dục học sinh hình thành thói quen sống gọn gàng ngăn nắp có trách nhiệm với bản thân và tập thể.	
18		Ôn tập - Đánh giá cuối HK 1	1		
19	CHỦ ĐỀ 5: SINH HOẠT NỀN NẾP	Bài 16: Học tập, sinh hoạt đúng giờ /40	1	*GDQCN- HĐKP: Quyền được học tập, quyền được chăm sóc sức khỏe và tôn trọng quyền của người khác. - NLS 5.2.CB1a: Xác định được nhu cầu cá nhân và sử dụng công cụ số đơn giản dưới sự hướng dẫn của người lớn để trình bày thời gian biểu học tập, sinh hoạt đúng giờ. (HĐ Vận dụng)	
20	CHỦ ĐỀ 6: TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH	Bài 17: Tự giác học tập /42	1	*GDQCN- HĐKP: Quyền được học tập. Bốn phận trẻ em đối với bản thân. - NLS 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số. (HĐLT & Vận dụng)	
21		Bài 18: Tự giác tham gia các hoạt động ở trường /44	1	*GD ĐDLs -HĐKP&VD: Bồi dưỡng ở HS tinh thần tự giác,	

				trách nhiệm, kỉ luật, biết sẻ chia và tích cực vì tập thể, từ đó phấn đấu trở thành công dân có ích.	
22		Bài 19: Tự giác làm việc nhà /50	1	*GD ĐDLĐS -HĐVD: Hình thành lối sống tự lập, kỉ luật, biết sẻ chia và trách nhiệm với gia đình. - Nuôi dưỡng tình yêu thương, kính trọng ông bà, cha mẹ bằng hành động cụ thể hằng ngày. (Luyện tập và Vận dụng)	
23		Bài 20: Không nói dối /48	1	*GDQCN-HĐKP: Quyền được tôn trọng, quyền được tin tưởng. - NLS 2.3.CB1a: Giao tiếp, hợp tác trong môi trường số; học sinh biết nói thật, không gửi thông tin sai sự thật trong nhóm học tập hoặc lớp học trực tuyến có sự hướng dẫn của giáo viên, cha mẹ. (HĐ Khám phá và Vận dụng)	
24	CHỦ ĐỀ 7: THẬT THÀ	Bài 21: Không tự ý lấy và sử dụng đồ của người khác /50	1	- NLS 2.2.CB1a: Nhận biết được các công nghệ số đơn giản, phù hợp để chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung kỹ thuật số; từ đó thực hiện hành vi ứng xử có	

				trách nhiệm trong môi trường số. (HD Vận dụng)	
25		Bài 22: Nhặt được của rơi trả lại người đánh mất /52	1	* GD ĐDL S: Biết vì sao nhặt được của rơi cần trả lại người đánh mất. - Đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, hành vi nhặt được của rơi trả người đánh mất. (HD Khám phá và Vận dụng)	
26		Bài 23: Biết nhận lỗi / 54	1	* GD ĐDL S: - Biết vì sao phải nhận lỗi. - Đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, hành vi biết nhận lỗi. (HD Khám phá và Vận dụng)	
27		Thực hành kĩ năng giữa Kỳ 2	1		
28	CHỦ ĐỀ 8: PHÒNG, TRÁNH TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH	Bài 24: Phòng, tránh tai nạn giao thông /56	1	* GDQCN : Quyền được chăm sóc sức khỏe. (HD Khám phá và Luyện tập)	
29		Bài 25: Phòng, tránh đuối nước /58	1	* GDQCN : Quyền được chăm sóc sức khỏe. (HD Khám phá và Luyện tập)	
30		Bài 26: Phòng, tránh bỏng /60	1	* GDQCN : Quyền được chăm sóc sức khỏe. (HD Khám phá và Luyện tập)	

31		Bài 27: Phòng, tránh thương tích do ngã /62	1	*GDQCN: Quyền được chăm sóc sức khỏe. (HD Khám phá và Vận dụng)	
32		Bài 28: Phòng, tránh điện giật /64	1	*GDKNS: Biết cách phòng tránh tai nạn do điện. *GDQCN: Quyền được chăm sóc sức khỏe. - NLS 4.1 CB1b: Phân biệt được rủi ro và mối đe dọa đơn giản trong môi trường số: Học sinh bước đầu phân biệt được một số rủi ro, mối đe dọa đơn giản khi sử dụng thiết bị điện, thiết bị số như ổ cắm hở, dây sạc bị hỏng, chạm tay ướt vào thiết bị đang cắm điện và biết báo người lớn hỗ trợ. (HD Khám phá và Vận dụng)	
33		Bài 29: Phòng, tránh ngộ độc thực phẩm /66	1	*GDQCN- Luyện tập & Vận dụng: HS có quyền được bảo vệ sức khỏe. - NLS 4.1 CB1b: HS biết phân biệt rủi ro và mối đe dọa đơn giản trong môi trường số.	

				HS biết không làm theo thông tin ăn uống thiếu an toàn trên môi trường số và biết hỏi người lớn khi gặp nội dung chưa chắc chắn. (HĐ Khám phá và Vận dụng)	
34		Bài 30: Phòng, tránh xâm hại /68	1	* GDQCN : Quyền được chăm sóc sức khỏe. Bản phận trẻ em đối với bản thân. - NLS 4.1.CB1b: Phân biệt được rủi ro và mối đe dọa đơn giản trong môi trường số; học sinh biết không trả lời, không gửi ảnh hoặc thông tin riêng tư khi người lạ nhắn tin, gọi video, xin kết bạn và báo ngay người lớn tin cậy. (HĐ Khám phá và Vận dụng)	
35		Ôn tập - Đánh giá cuối HK 2	1		
Tổng			35 tiết		

4. Môn Tự nhiên và Xã hội 1

Tuần,	Chương trình và sách giáo khoa	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
-------	--------------------------------	------------------------------	---------

tháng	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng	(nếu có)	
1+2	TRƯỜNG HỌC	Bài 7: Cùng khám phá trường học/30	3	Tích hợp liên môn, điều chỉnh thời gian dạy. - HĐTN tuần 1,2,3: Làm quen, chào hỏi. - TV bài 1: Làm quen với trường lớp, bạn bè/7 (Trải nghiệm trong, ngoài lớp học)	Đổi tên bài dạy theo CD: Khám phá trường học, làm quen thầy cô, bạn bè
2+3		Bài 6: Lớp học của em/24	3	GDĐĐLS- HĐTH (Tiết 1): Giáo dục học sinh biết yêu thích học tập, tôn trọng cô giáo và hợp tác với bạn bè trong lớp.	Liên hệ
4		Bài 8: Cùng vui ở trường/36	2	GD ĐĐLS- HĐKP (Tiết 1): Biết thực hiện đúng nội quy trường lớp là thể hiện trách nhiệm của học sinh với nhà trường.	Liên hệ
5+6		Bài 9: Ôn tập chủ đề trường học	3		

6+7	GIA ĐÌNH	Bài 1: Kể về gia đình/6	2	Tích hợp Đạo đức bài 5: Gia đình của em/14 (HĐKP) - GDQCN- HĐKP (Tiết 1 + 2): Quyền được sum họp với gia đình; quyền được lắng nghe ý kiến.	Liên hệ
7+8		Bài 2: Ngôi nhà của em/10	2	GDQCN- HĐVD (Tiết 1): Quyền có nơi ở an toàn, được sống cùng gia đình; bổn phận giữ gìn, chăm sóc ngôi nhà. GDQPAN- HĐTH (Tiết 2): Trân trọng những người góp phần bảo vệ cuộc sống bình yên của gia đình và quê hương.	Liên hệ
8+9		Bài 3: Đồ dùng trong nhà/14	2	- GDQCN- H ĐVD (Tiết 2): Trẻ em có quyền được sống trong ngôi nhà an toàn, sạch sẽ, gọn gàng.	Liên hệ
9+10		Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà/18	2	- NLS 4.1.CB1b- HĐTH (Tiết 1): Phân biệt được rủi ro và mối đe dọa đơn giản khi sử dụng thiết bị điện tử; nêu được nguyên tắc phòng tránh.	Liên hệ
10+11		Bài 5: Ôn tập chủ đề gia đình/22	3		
12		Bài 10: Cùng khám phá quang cảnh xung quanh/42	2		

				Lồng ghép stem: Mô hình đèn hiệu và biển báo giao thông	
16+17		Bài 14: Ôn tập chủ đề: Cộng đồng địa phương/58	3		
17+18		Bài 15: Cây xung quanh em/60	3		
18	THỰC VẬT - ĐỘNG VẬT	Bài 16: Chăm sóc và bảo vệ cây trồng/66	2	GDĐĐLS - HĐ2 (Tiết 1): Tự biết chăm sóc và bảo vệ cây. GDQCN – HĐVD (Tiết 1): Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường.	Liên hệ
19+20		Bài 17: Con vật quanh em/70	3	- Tích hợp AI 1.D1.1 – HĐKP (Tiết 1): Học sinh nhận biết AI có thể học từ nhiều hình ảnh để nhận diện một số con vật; hiểu công nghệ chỉ hỗ trợ quan sát, còn con người cần kiểm tra và sử dụng phù hợp.	
20+21		Bài 18: Chăm sóc và bảo vệ vật nuôi/76	2	GDQCN-HĐKP (Tiết 1): Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường; quyền	

				được bảo đảm an toàn về sức khỏe, thân thể khi tiếp xúc với vật nuôi.	
22+23	THỰC VẬT ĐỘNG VẬT	Bài 19: Ôn tập chủ đề: Thực vật và động vật/80	3		
24+25	CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	Bài 20: Cơ thể em/82	3		Liên hệ
25+26		Bài 21: Các giác quan của cơ thể/88	3	NLS 4.1.CB1b - HĐTH (Tiết 2): Phân biệt được rủi ro và mối đe dọa đơn giản đối với mắt, tai khi sử dụng thiết bị số. GDQCN- HĐVD (Tiết 3): Quyền được chăm sóc sức khỏe, được chăm sóc và nuôi dưỡng để phát triển thể chất, tinh thần; quyền được hướng dẫn bảo vệ các giác quan trong môi trường an toàn.	
27		Bài 22: Ăn, uống hằng ngày/94	2		
28		Bài 23: Vận động và nghỉ ngơi/98	2		
29		Bài 24: Tự bảo vệ mình/102	2	- Tích hợp AI 1.B1.1- HĐVD (Tiết 1): Nhận biết ví dụ về hành vi đúng	

				AI giả mạo hình ảnh hoặc giọng nói người thân để gây hại; biết cảnh giác và hỏi ý kiến cha mẹ.	
30+31		Bài 25: Ôn tập chủ đề: Con người và sức khỏe/106	3		
31+32		Bài 26: Cùng khám phá bầu trời/108	3		
33+34	TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	Bài 27: Thời tiết luôn thay đổi/114	3	- NLS 4.1.CB1b- HĐTH (Tiết 2): Phân biệt được rủi ro và mối đe dọa đơn giản trong môi trường số; biết sử dụng thiết bị và nội dung số an toàn khi xem thông tin thời tiết.	Liên hệ
35		Bài 28: Ôn tập chủ đề: Trái đất và bầu trời/120	3		
		Tổng	70		

5. Môn Giáo dục Thể chất 1

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa	Nội dung điều chỉnh bổ sung	Ghi chú
-------------	--------------------------------	-----------------------------	---------

	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học / thời lượng		
1		Giới thiệu chương trình	1		
1 + 2	Chủ đề 1: Đội hình đội ngũ	Bài 1: Các tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ.	3		
3 + 4		Bài 2: Tập hợp đội hình hàng dọc, dóng hàng, điểm số.	4	THLM: Các số đến 10 (Toán 1)	
5,6		Bài 3: Tập hợp đội hình hàng ngang, dóng hàng, điểm số, dàn hàng, dồn hàng.	4	Tích hợp ANQP: Học sinh rèn tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, chấp hành khẩu lệnh, giữ đội hình và tinh thần đoàn kết.	
7,8		Bài 4: Động tác quay các hướng.	3		
8		KIỂM TRA & ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ 1	1		
9	Chủ đề 2: Bài tập thể dục	Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay.	2	Tích hợp: Hs giữ vệ sinh sân tập, không xả rác; sử dụng dụng cụ đúng mục đích và thu dọn gọn gàng sau luyện tập.	
10,11		Bài 2: Động tác chân, động tác vặn mình, động tác bụng.	3		
11,12		Bài 3: Động tác phối hợp, động tác điều hoà.	2		
12		ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ 2	1		
13,14		Bài 1: Vận động của đầu, cổ.	3		

14,15,16	Chủ đề 3: Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản	Bài 2: Vận động của tay.	4		
16,17,18, 19		Bài 3: Vận động của chân.	5		
18		KIỂM TRA HỌC KÌ I	1		
19,20,21, 22		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể	6		
22,23,24, 25		Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (Tiếp theo).	6		
25		KIỂM TRA & ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ 3	1		
26,27	Chủ đề 4: Môn thể thao tự chọn Bóng rổ	Bài 1: Làm quen với bóng	4		
28,29		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng.	4		
30,31,32		Bài 3: Động tác dẫn bóng.	5		
32,33,34		Bài 4: Động tác ném rổ hai tay trước ngực.	5		
35		KIỂM TRA & ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM.	1		
		TỔNG KẾT CUỐI NĂM HỌC	1		
		TỔNG	35		

6. Môn Âm nhạc

	Chương trình và sách giáo khoa	Nội dung điều chỉnh, bổ	
--	---------------------------------------	--------------------------------	--

Tuần/ tháng	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	sung	Ghi chú
1	CHỦ ĐỀ 1: Âm thanh kì diệu	- Thường thức âm nhạc: Âm thanh kì diệu - Học hát: Vào rừng hoa	1	Giáo dục BVMT: Tình yêu thiên nhiên, bảo vệ cây xanh.	
2		- Ôn hát: Vào rừng hoa - Đọc nhạc: Bậc thang Đô- Rê- Mi	1		
3		- Ôn hát: Vào rừng hoa - Ôn đọc nhạc: Bậc thang Đô- Rê- Mi	1		
4		- Ôn hát: Vào rừng hoa - Ôn đọc nhạc: Bậc thang Đô- Rê- Mi - Vận dụng – sáng tạo: To- Nhỏ	1		
5	CHỦ ĐỀ 2: Việt Nam yêu thương	- Học hát: Tổ quốc ta	1	Lồng ghép QPAN: HĐVDST; nêu câu hỏi gợi mở yêu cầu HS nêu cảm nghĩ sau khi học bài hát qua đó giáo dục tình yêu quê hương đất nước.	
6		- Ôn hát: Tổ quốc ta - Nhạc cụ: Trống con	1		
7		- Nghe nhạc: Bài hát Quốc ca - Nhạc cụ: Trống con	1	Lồng ghép QPAN: Thực hành đứng nghiêm trang	

				khi chào cờ, thể hiện lòng tự hào dân tộc, yêu Tổ Quốc Việt Nam XHCN.	
8		- Ôn hát: Tổ quốc ta - Vận dụng – sáng tạo: Cao- Thấp	1		
9	CHỦ ĐỀ 3: Mái trường thân yêu	- Học hát: Lớp một thân yêu	1	Giáo dục LTCMĐĐ lối sống: Yêu trường lớp.	
10		- Ôn hát: Lớp một thân yêu - Đọc nhạc: Ban nhạc Đô- Rê- Mi	1		
11		- Ôn nhạc: Ban nhạc Đô- Rê- Mi - Nghe nhạc: Bài hát Những bông hoa những bài ca	1	Giáo dục LTCMĐĐ lối sống: Kính trọng thầy cô.	
12		- Ôn hát: Lớp một thân yêu - Ôn đọc nhạc: Ban nhạc Đô- Rê- Mi - Vận dụng – sáng tạo: To- Nhỏ, Cao- Thấp	1		
13	CHỦ ĐỀ 4: Vòng tay bè bạn	- Học hát: Chào người bạn mới đến	1	-Giáo dục LTCMĐĐ lối sống: Tinh thần đoàn kết.	
14		- Ôn hát: Chào người bạn mới đến - Nhạc cụ: Trống con	1		
15		- Thường thức âm nhạc: Trống cái - Nghe nhạc: Vũ khúc thiên Nga	1	-Năng lực số:1.1.CB1a: Nhận biết hình dáng, âm thanh Trống cái qua hình	

				ảnh/video; giữ khoảng cách an toàn cho mắt khi quan sát màn hình.	
16		Ôn bài đọc nhạc: Ban nhạc Đô Rê Mi. Gõ theo tiết tấu.	1		
17	Ôn tập cuối học kỳ 1	- Ôn tập cuối học kỳ 1	1		
18		- Đánh giá cuối học kỳ 1	1		
19	CHỦ ĐỀ 5: Nhịp điệu mùa xuân	- Học hát: Xúc xắc xúc xẻ	1	-Năng lực số: 1.1.CB1a: Nhận biết thông tin dạng âm thanh, hình ảnh về ngày Tết trên tivi/máy tính của giáo viên khi học bài 'Xúc xắc xúc xẻ'.	
20		- Ôn hát: Xúc xắc xúc xẻ - Đọc nhạc: Những người bạn Đô- Rê- Mi	1		
21		- Ôn đọc nhạc: Những người bạn Đô- Rê- Mi - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Vôn-gang A-ma-đót Mô-Da	1	-Năng lực số: 1.1.CB1a:Nhận biết thông tin dạng hình ảnh và âm thanh về nhạc sĩ Mô-da trên thiết bị số	

22		- Ôn hát và đọc nhạc - Vận dụng – sáng tạo: Dài- Ngắn	1		
23	CHỦ ĐỀ 6: Về miền dân ca	- Học hát: Gà gáy - Vận dụng – sáng tạo: Dài- Ngắn	1	Giáo dục LTCMĐĐ lối sống: Yêu quý văn hóa dân gian.	
24		- Ôn hát: Gà gáy - Nhạc cụ: Thanh phách	1		
25		- Thường thức âm nhạc: Câu chuyện về Thanh phách - Vận dụng, sáng tạo: Dài- Ngắn	1		
26		- Ôn hát: Gà gáy - Nghe nhạc: Lý cây bông	1	Tích hợp GDDP: GT Nghệ thuật hát chèo ở làng Khuốc-Đông Hưng-HY	
27	CHỦ ĐỀ 7: Gia đình	- Học hát: Cây gia đình	1	Giáo dục LTCMĐĐ lối sống: Yêu thương gia đình.	
28		- Ôn hát: Cây gia đình - Đọc nhạc: Hát cùng Đô- Rê-Mi- Pha- Son	1		
29		- Ôn đọc nhạc: Hát cùng Đô- Rê-Mi- Pha- Son	1		

		- Nghe nhạc: Bài hát Con chim vành khuyên			
30		- Ôn hát: Cây gia đình	1		
31	CHỦ ĐỀ 8: Vui đón hè	- Học hát: Ngôi sao lấp lánh	1		
32		- Ôn hát: Ngôi sao lấp lánh - Nhạc cụ: Trai-en-gô	1	- Năng lực số: 1.CB1a: Nhận biết được thông tin, hình ảnh về nhạc cụ Trai-en-gô trên máy tính, màn chiếu.	
33	Ôn tập cuối năm	- Ôn tập cuối năm	1		
34		- Tổ chức hoạt động âm nhạc đánh giá cuối năm	1		
35		- Tổ chức hoạt động âm nhạc đánh giá cuối năm	1		

7. Môn Mỹ thuật 1

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung		Tiết học		

		Tên bài học			
1	CHỦ ĐỀ 1: MĨ THUẬT TRONG NHÀ TRƯỜNG	Mĩ thuật trong nhà trường	1	-Tích hợp GDQPAN: Quan sát tranh ảnh, đàm thoại, liên hệ Yêu trường, yêu quê hương, yêu hòa bình; giáo dục tình cảm với thầy cô, bạn bè.	HĐ 2
2,3,4,5	CHỦ ĐỀ 2: SÁNG TẠO TỪ NHỮNG CHẤM MÀU	Sáng tạo từ những chấm màu	4	-Tích hợp GDQPAN: Vẽ đẹp quê hương, đất nước qua quan sát hình ảnh cảnh đẹp Việt Nam; tạo hình bằng chấm màu	HĐ 2
6,7,8	CHỦ ĐỀ 3: NÉT VẼ CỦA EM	Nét vẽ của em	3	-NLS/CDS: 1.1.CB1.a; 3.1.CB1.a: Quan sát video nét thẳng, cong, gấp khúc; nhận biết nét trong hình ảnh số	
9.10, 11,12	CHỦ ĐỀ 4: SÁNG TẠO TỪ	Sáng tạo từ những hình cơ bản	4	-Tích hợp STEAM	

	NHỮNG HÌNH CƠ BẢN				
13,14, 15,16	CHỦ ĐỀ 5: MÀU CƠ BẢN TRONG MĨ THUẬT	Màu cơ bản trong mỹ thuật	4	-NLS/CDS: 1.2.CB1.a; 3.1.CB1.a Nhận biết màu trên hình ảnh số; so sánh màu	
17	ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I	Vẽ tranh theo ý thích	1		
18,19, 20,21	CHỦ ĐỀ 6: SÁNG TẠO TỪ NHỮNG KHỐI CƠ BẢN	Sáng tạo từ những khối cơ bản	4		
22,23, 24,25	CHỦ ĐỀ 7: HOA, QUẢ	Hoa quả	4	-GDBVMT: Yêu vẽ đẹp của hoa trái, thiên nhiên. Có ý thức chăm sóc bảo vệ cây trái thiên nhiên.	Liên hệ
26,27, 28,29	CHỦ ĐỀ 8: NGƯỜI THÂN CỦA EM	Người thân của em	4	-NLS/CDS:2.1.CB1.a; 4.1.CB1.a: Nhận biết không tự ý chụp/chia sẻ ảnh người khác; chỉ sử dụng hình ảnh gia đình khi được phép -GD Đạo đức lối sống:	Liên hệ HD 4

				Giáo dục cho học sinh biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người thân của mình.	
30,31, 32,33	CHỦ ĐỀ 9 : EM LÀ HỌC SINH LỚP 1	Em là học sinh lớp 1	4	- NLS/CDS: 2.1.CB1.a; 3.1.CB1.a; 4.1.CB1.a: Chụp sản phẩm, giới thiệu sản phẩm; biết không chia sẻ thông tin cá nhân - GDQPAN: Thảo luận-vẽ -chia sẻ Yêu trường lớp, có ý thức tổ chức kỉ luật	Liên hệ HĐ3
34	ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ CUỐI NĂM	Vẽ tranh theo ý thích	1		
35	TRUNG BÀY SẢN PHẨM CUỐI NĂM	Trung bày sản phẩm	1	Trung bày SP của HS	
		TỔNG	35		

8. Hoạt động trải nghiệm 1

8.1. Hoạt động Sinh hoạt dưới cờ

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa		Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)		Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng		
1	TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG	Chào mừng năm học mới	1		
2		Tìm hiểu truyền thống nhà trường	1		
3		Vui Trung thu	1		
4		Vui đến trường	1		
5	CHĂM NGOAN HỌC GIỎI	Tham gia giao thông an toàn			
6		Hoa dâng lên Bác	1		
7		Ca ngợi PNVN	1		
8		Tự chăm sóc, tự bảo vệ	1		
9	TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO	Giới thiệu tủ sách lớp em, trường em.	1		
10		Tìm hiểu truyền thống ngày 20.11	1		
11		Tri ân thầy cô	1		
12		Kỉ niệm theo ta	1		

13	TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC	Phát động thi đua học tốt , rèn luyện tác phong anh bộ đội cụ Hồ	1		
14		Tìm hiểu truyền thống yêu nước của dân tộc.	1		
15		Tổng kết phong trào học tập tác phong anh bộ đội cụ Hồ.	1		
16		Nói chuyện truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam	1		
17	NGÀY TẾT QUÊ EM	Văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân	1		
18		Cùng nhau làm việc tốt	1		
19		Mùa Xuân tình bạn	1		
20		Vui Tết an toàn	1		
21	MỪNG ĐẢNG MỪNG XUÂN	Mừng Đảng quang vinh	1		
22		Vui với không khí ngày Xuân	1		
23		Ngày hội quê em	1		
24		Vì thế giới hạnh phúc	1		
25	TIỀN	Chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3			

26	BƯỚC LÊN ĐOÀN	Ước mơ của em	1		
27		Tiến bước lên Đoàn	1		
28		Bảo vệ môi trường	1		
29	NGÀY HỘI NON SÔNG	Tìm hiểu tết Hàn thực			
30		Hướng về cội nguồn	1		
31		Hợp tác và phát triển	1		
32		Thế giới nghề nghiệp quanh em	1		
33	NHỚ ƠN BÁC HỒ	Gặp gỡ những con người tiêu biểu	1		
34		Noi gương người tốt, việc tốt	1		
35		Bác Hồ với thiếu nhi			
		TỔNG	35		

8.2. Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
------------------------	---------------------------------------	--	----------------

	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng		
1	Chủ đề 1: CHÀO NĂM HỌC MỚI	Bài 1: Làm quen với bạn mới/ 7	1	GDDĐ-LS-HĐ3: Giáo dục tình đoàn kết, thân thiện, biết chào hỏi lễ phép, ứng xử văn minh GDQCN - HĐ1: Quyền bình đẳng giới có thể làm quen và kết thân với nhau	Liên hệ Bộ phận
2		Bài 2: Những việc nên làm trong giờ học, giờ chơi/9 (Tiết 1)	1	- GDDĐLS - HĐ2 (Tiết 1): Hình thành kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, biết nhường nhịn, chơi đẹp. GDQCN-HĐ1(Tiết 1): Quyền được giáo dục học tập, quyền được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí.	Liên hệ Bộ phận
3		Bài 2: Những việc nên làm trong giờ học, giờ chơi /10 (Tiết 2)	1		
4		Bài 2: Những việc nên làm trong giờ học, giờ chơi /12 (Tiết 3)	1		
5	Chủ đề 2: EM BIẾT YÊU THƯƠNG	Bài 3: Cảm xúc của em/ 15	1	GDDĐLS- HĐ 3: Biết bày tỏ cảm xúc phù hợp, quan tâm đến người khác. GDQCN- HĐ 2: Quyền được bày tỏ ý kiến. Quyền được tôn trọng bản thân, và nghĩa vụ tôn trọng người khác.	Liên hệ Bộ phận

6		Bài 4: Yêu thương con người/17 (Tiết 1)	1		
7		Bài 4: Yêu thương con người /18 (Tiết 2)	1	GDDĐLS - HĐ2: Biết yêu thương, chia sẻ với người xung quanh. GDQCN-Tiết 1, 2, 3 - HĐ 3: Quyền được nhận và thể hiện tình yêu thương	Liên hệ Bộ phận
8		Bài 4: Yêu thương con người /20 (Tiết 3)	1		
9	Chủ đề 3: TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM	Bài 5: Thân thiện với bạn bè/ 23	1	GDDĐLS-HĐ3: Đoàn kết, thân thiện, tôn trọng bạn bè GDQCN- HĐ 3: Quyền được tôn trọng bản thân và nghĩa vụ tôn trọng người khác.	Liên hệ Bộ phận
10		Bài 6: Thực hiện Năm điều Bác Hồ dạy/ 25	1		
11		Bài 7: Kính yêu thầy cô/ 28 (Tiết 1)	1	GDDĐLS -HĐ2: Biết kính trọng, lễ phép, biết ơn thầy cô. GDQCN - HĐ 3: Quyền thể hiện những việc làm để thể hiện lòng kính yêu thầy cô.	Liên hệ Bộ phận
12		Bài 7: Kính yêu thầy cô/30 (Tiết 2)	1		
13	Chủ đề 4: AN TOÀN CHO EM	Bài 8 : An toàn khi vui chơi/ 33 (Tiết 1)	1	GDDĐLS- HĐ2: Hình thành thói quen vui chơi lành mạnh. GDQCN - HĐ 3: Quyền được vui chơi giải trí. Quyền được	Liên hệ

				đảm bảo bảo an toàn về tính mạng sức khỏe và thân thể. - Tích hợp GDĐPCĐ5: HĐKD +HĐKP Một số trò chơi bơi ống, vật cầu, thi làm cổ cá, thi kéo lửa nấu cơm	Bộ phận
14		Bài 8 : An toàn khi vui chơi/ 35 (Tiết 2)	1	- Tích hợp GDĐPCĐ5: HĐTH + HĐVD	
15		Bài 9: Phòng tránh bị bắt nạt/ 37	1	GDDĐLS-HĐ2: Khuyến bạn không bắt nạt người khác, sống chan hoà, biết bảo vệ bản thân GDQCN- HĐ3: Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh đập.	Liên hệ
16		Bài 10: Sự dụng an toàn đồ dùng trong gia đình/ 40	1		
17	Chủ đề 5: EM QUÝ TRỌNG BẢN THÂN	Bài 11: Chân dung của em/ 43	1	GDDĐLS -HĐ2: Nhận thức giá trị bản thân, yêu quý chính mình. GDQCN-HĐ1: Quyền được bày tỏ, được tôn trọng bản thân	Liên hệ
18		Bài 12: Giữ vệ sinh cá nhân/ 46	1	GDDĐLS -HĐ3: Rèn nề nếp, tự chăm sóc bản thân. GDQCN- HĐ 3: Quyền được chăm sóc sức khỏe.	Liên hệ
19		Bài 13: Ăn uống hợp lí/ 48	1	Tích hợp liên môn TNXH bài 22: Ăn uống hằng ngày/94 - HĐTH, HĐVD	
20		Bài 14: Sử dụng trang phục hằng ngày/ 51	1	Tích hợp GD AI (1.A1.2): Nhận biết AI là sản phẩm do	

				con người tạo ra nhằm giúp ích cho con người, phục vụ sinh hoạt cá nhân an toàn. (HĐ thực hành)	
21	Chủ đề 6: VUI ĐÓN MÙA XUÂN	Bài 15: Sắp xếp nhà cửa gọn gàng để đón Tết /55	1	Tích hợp liên môn TNXH bài 12: Vui đón Tết /50	
22		Bài 15: Sắp xếp nhà cửa gọn gàng để đón Tết/ 58	1		
23		Bài 16 : Ứng xử khi nhận quà ngày Tết/ 59 (Tiết 1)	1		
24		Bài 16 : Ứng xử khi nhận quà ngày Tết/ 62 (Tiết 2)	1		
25	Chủ đề 7: THAM GIA HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG	Bài 17: Hàng xóm nhà em/64 (Tiết 1)	1		
26		Bài 17: Hàng xóm nhà em/ 66 (Tiết 2)	1		
27		Bài 18 : Em tham gia các hoạt động xã hội/ 67 (Tiết 1)	1	GDDĐLS -HĐ1: Tinh thần trách nhiệm, biết giúp đỡ cộng đồng. GDQCN- HĐ 2: Quyền được tham gia các hoạt động xã hội *Tích hợp GDĐP CD6 : HĐKD + HĐKP	Liên hệ Bộ phận
28		Bài 18: Em tham gia các hoạt động xã hội / 69 (Tiết 2)	1	*Tích hợp GDĐP CD6: HĐTHLT+ HĐVDMR	Bộ phận
29	Chủ đề 8:	Bài 19: Thiên nhiên tươi đẹp quê em/ 72 (Tiết 1)	1		

30	QUÊ HƯƠNG TƯƠI ĐẸP	Bài 19: Thiên nhiên tươi đẹp quê em /74 (Tiết 2)	1	- Tích hợp GDĐP CD 1: HĐKD + HĐKP * Một số cảnh đẹp của Hưng Yên (cũ) Phố Hiến, đảo Cò, làng Nôm, khu đô thị Ecopark,...	Bộ phận
31		Bài 20: Em bảo vệ cảnh quan thiên nhiên/ 76 (Tiết 1)	1	GDDĐLS -HĐ2: Trách nhiệm giữ gìn môi trường GDQCN -HĐ 2: Quyền sống trong môi trường trong lành và nghĩa vụ bảo vệ môi trường GDQPANHĐ 1: Góp phần xây dựng môi trường bền vững, gắn với an ninh con người. - Tích hợp GDĐP CD1: HĐTH -VD	Liên hệ
32		Bài 20: Em bảo vệ cảnh quan thiên nhiên/ 78 (Tiết 2)	1		
33	Chủ đề 9: EM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Bài 21: Giữ gìn môi trường sạch, đẹp/ 81(Tiết 1)	1		
34		Bài 21 : Giữ gìn môi trường sạch, đẹp/ 83 (Tiết 2)	1		
35		Bài 21: Giữ gìn môi trường sạch, đẹp/ 85 (Tiết 3)	1		
		TỔNG	35		

8.3. Hoạt động Sinh hoạt lớp

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa		Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)		Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng		
1	Chủ đề 1: CHÀO NĂM HỌC MỚI	Kể về những người bạn em đã làm quen/8	1		
2		Kể về những việc em đã thực hiện nội quy của trường, lớp - Nghe bài hát về trường/9	1		
3		Làm quen với sinh hoạt Sao nhi đồng/11	1		
4		Vui chơi Trung thu, bổ ích an toàn ở lớp /13	1		
5	Chủ đề 2: EM BIẾT YÊU THƯƠNG	Chia sẻ cảm xúc em đã trải qua/16	1		
6		Giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp/17	1		
7		Kể về người phụ nữ em yêu thương/19	1		
8		Chúc mừng, học hỏi tấm gương Nhi đồng chăm ngoan/21	1		
9	Chủ đề 3: TRUYỀN THỐNG	Kể về truyền thống trường em- Làm thiệp tặng bạn/24	1		
10		Chia sẻ những việc em đã làm theo Năm điều Bác Hồ dạy/27			

11	TRƯỜNG EM	Làm thiệp chúc mừng thầy cô - Chia sẻ tình cảm của em đối với thầy cô/29	1		
12		Chia sẻ những việc đã làm được để thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô/31	1		
13	Chủ đề 4: AN TOÀN CHO EM	Chia sẻ mong muốn của em về điều kiện vui chơi an toàn/34	1		
14		Tự hào về truyền thống quê hương	1		
15		Cam kết thực hiện các yêu cầu xây dựng lớp học thân thiện/39	1		
16		Chia sẻ việc sử dụng đồ dùng trong gia đình an toàn/41	1		
17	Chủ đề 5: EM QUÝ TRỌNG BẢN THÂN	Tham gia trò chơi Đoán tên bạn /44	1		
18		Nêu điều em thấy bổ ích trong Ngày hội Vì sức khỏe học đường/47	1		
19		Kể về những thực phẩm em đã sử dụng hàng ngày/50	1		
20		Kể những việc em đã làm để đón Tết/56	1		
21	Chủ đề 6: VUI ĐÓN MÙA XUÂN	Vui tết an toàn	1		
22		Hội chợ Xuân/58	1		
23		Kể về cách ứng xử của em khi nhận quà ngày Tết/61	1		

24		Chia sẻ những dự định của em về việc sử dụng quà và tiền mừng tuổi/62	1		
25	Chủ đề 7: THAM GIA HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG	Nói lời chúc mừng Ngày 8/3 với cô giáo và các bạn nữ/66	1		
26		Kể tên những hoạt động cộng đồng mà em đã tham gia/65	1		
27		Tham gia làm kế hoạch nhỏ ở lớp/68	1		
28		Kể về việc làm tốt của em với mọi người/70	1		
29	Chủ đề 8: QUÊ HƯƠNG TUỔI ĐẸP	Kể những việc em đã làm để chăm sóc cây trong trường/73	1		
30		Vẽ cảnh đẹp thiên nhiên quê em/75	1		
31		Trò chơi “đoán tên các loài cây”/77	1		
32		Chia sẻ những việc em đã làm để bảo vệ cảnh quan thiên nhiên/79	1		
33	Chủ đề 9: EM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Tập hát các bài hát về bảo vệ môi trường/82	1		
34		Đọc thơ, hát về Bác Hồ/84	1		
35		Thảo luận việc em sẽ làm khi nghỉ hè/86	1		
		TỔNG	35		

9. Môn Tiếng Anh 1

Tuần/ tháng	CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA Tiếng Anh 1 – Global Success				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Nội dung chi tiết	Tiết học/ Thời lượng		
1	Me and my friends	Unit 1: In the school playground	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Slap the board	Tiết 1	AI 1.C1.1: Students identify that the robot (AI) has a speaker that helps it pronounce the vocabulary words “ball” and “bike” correctly. Digital Competence (NLS) 1.3.CB1a: Students are guided to access and open the lesson audio file on the digital learning platform safely.	
		Unit 1: In the school playground	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 2		
2		Unit 1: In the school playground	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 3		

		Unit 2: In the dining room	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Pelmanism	Tiết 4		
3	Me and my family	Unit 2: In the dining room	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 5		
		Unit 2: In the dining room	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 6		
4		Fun time 1	Hoạt động 1, 2, 3, 4	Tiết 7	NLS 2.6.CB1a: Practice choosing and using a polite English nickname when participating in online class games.	
		Unit 3: At the street market	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Hot seat	Tiết 8		
5	Me and the world around	Unit 3: At the street market	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 9		
		Unit 3: At the street market	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 10		
6		Unit 4: In the bedroom	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Red/Green words	Tiết 11		

		Unit 4: In the bedroom	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 12		
7	Me and my family	Unit 4: In the bedroom	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 13		
		Review 1	Phil and Sue (1, 2)	Tiết 14		
8		Review 1	Self-check (1, 2, 3)	Tiết 15	AI 1.A1.1: Discussion: Why can Phil and Sue laugh and talk happily while the robot cannot? (Humans have natural emotions.) NLS 5.2.CB1a: Identify their personal needs for vocabulary that requires further review and practice.	
		Review 1	Self-check (4, 5)	Tiết 16		
9		Unit 5: At the fish and chip shop	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Matching game	Tiết 17		
		Unit 5: At the fish and chip shop	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 18		

10	Me and my school	Unit 5: At the fish and chip shop	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 19		
		Unit 6: In the classroom	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Pass the ball	Tiết 20		
11		Unit 6: In the classroom	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 21		
		Unit 6: In the classroom	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 22		
12		Fun time 2	Hoạt động 1, 2, 3,4	Tiết 23	NLS 2.1.CB1a: Technology selection: Use a tablet to complete the online word-matching challenge.	
	Me and my family	Unit 7: In the garden	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Bang!	Tiết 24		
13		Unit 7: In the garden	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 25		
		Unit 7: In the garden	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 26		

14		Unit 8: In the garden (park)	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Word Game	Tiết 27		
		Unit 8: In the garden (park)	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 28		
15		Unit 8: In the garden (park)	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 29		
		Review 2	Phil and Sue (1, 2)	Tiết 30		
16		Review 2	Self-check (1, 2, 3)	Tiết 31	NLS 5.2.CB1b: Use the Wordwall application to complete a self-assessment activity on animals and objects.	
		Review 2	Self-check (4, 5, 6)	Tiết 32		
17		Revision		Tiết 33		
		Kiểm tra cuối Học kì 1	Semester 2 Test	Tiết 34		
18		Chữa bài	Feedback	35		
		Unit 9: In the shop	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Slap the board	36	AI 1.C1.1: Students identify that the AI robot in the store can recognize objects such as clocks and pots using its camera.	

19	Me and the world around	Unit 9: In the shop	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 37	NLS 1.1.CB1a: Practice identifying information needs: Students search for images of a lock or a mop on a safe website.	
		Unit 9: In the shop	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 38		
20		Unit 10: At the zoo	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Odd one out	Tiết 39		
		Unit 10: At the zoo	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 40		
21		Unit 10: At the zoo	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 41		
		Fun time 3	Hoạt động 1, 2, 3, 4	Tiết 42	NLS 2.6.CB1a: Identify digital identity: Practice choosing a polite English nickname when participating in classroom games.	
22		Unit 11: At the bus stop	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Pelmanism	Tiết 43		
		Unit 11: At the bus stop	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 44		

23	Me and my friends	Unit 11: At the bus stop	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 45		
		Unit 12: At the lake	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Kim's game	Tiết 46		
24		Unit 12: At the lake	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 47	NLS 3.1.CB1a: Practice drawing a simple leaf or lemon on a computer.	
		Unit 12: At the lake	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 48		
25		Review 3	Phil and Sue (1, 2)	Tiết 49	AI 1.A1.1: Discussion: Why can Phil and Sue have fun together? (Humans have natural emotions, while AI does not.)	
		Review 3	Self-check (1, 2, 3)	Tiết 50		
26		Review 3	Self-check (4, 5, 6)	Tiết 51		
		Unit 13: In the school canteen	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Labelling	Tiết 52		
27		Unit 13: In the school canteen	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 53		
		Unit 13: In the school canteen	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 54		

28	Me and my school	Unit 14: In the toy shop	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Chinese whispers	Tiết 55		
		Unit 14: In the toy shop	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 56	NLS 4.2.CB1b: Information security: Do not share photos of expensive gifts online to prevent them from being misused by malicious people.	
29		Unit 14: In the toy shop	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 57		
		Fun time 4	Hoạt động 1, 2, 3, 4	Tiết 58		
30		Unit 15: At the football match	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Missing flashcard	Tiết 59		
		Unit 15: At the football match	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 60		
31		Unit 15: At the football match	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 61		
		Unit 16: At home	Lesson 1 (1, 2) + Trò chơi Hot seat	Tiết 62		

32		Unit 16: At home	Lesson 2 (3, 4, 5)	Tiết 63		
		Unit 16: At home	Lesson 3 (6, 7, 8)	Tiết 64		
33		Review 4	Phil and Sue (1, 2)	Tiết 65		
		Review 4	Self-check (1, 2, 3)	Tiết 66		
34		Review 4	Self-check (4, 5, 6)	Tiết 67	NLS 5.2.CB1b: Students recognize that digital tools, such as electronic learning materials on hoclieu.vn, help them effectively meet their needs for self-assessment and vocabulary review in Units 13–16.	
		Revision	From Unit 9 to 13	Tiết 68		
35		Kiểm tra HK	Final Test	Tiết 69, 70		

10. Củng cố, tăng cường

10.1. Củng cố TV

Tuần,	Chương trình và sách giáo khoa	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
-------	--------------------------------	------------------------------	---------

tháng	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng	(nếu có)	
1		Ôn cách sử dụng ĐDHT	1		
		Ôn các nét cơ bản	1		
2		Ôn bảng chữ cái	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết a, b	1		
3		Rèn kĩ năng đọc, viết c, ca, cà, cá	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm o, ô	1		
4		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm d, đ	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm i, k, h, l	1		
5		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm u, ư, ch, kh	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm m, n, g, gi	1		
6		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm ng, ngh.	1		

		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm r, s, t, tr	1		
7		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm th, ia, ua, ur	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm ph, qu	1		
8		Rèn kĩ năng đọc, viết tiếng, từ chứa âm v,x,y.	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa an, ăn, ân, on, ôn, ơn.	1		
9		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa en, ên, in, un, am, ăm, âm.	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa om, ôm, ơm, em, êm, im, um.	1		
10		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa ai, ay, ây, oi.ôi, ơi.	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa ui, ur, ao, eo.	1		
11		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa au, âu, êu, iu, ur.	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa ac, ăc, âc, oc, ôc, uc, ur.	1		

12		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa at, ăt, ât, ot, ôt, ơt.	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa et, êt, it, ut, ưt.	1		
13		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa ap, ăp, âp, op, ôp, ơp.	1		
		. Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa ep, êp, ip, up.	1		
14		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa ach, êch, ich, ang, ăng, âng	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa ong, ông, ung, ưng.	1		
15		Rèn kĩ năng đọc, viết câu văn chứa iêng, iêm, yên, iêt, iêu, yêu.	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết đoạn văn chứa uôi, uôm, uộc, uôt.	1		
16		Rèn kĩ năng đọc, viết đoạn văn chứa uôn, uông, ươi, ươu	1		
		Rèn kĩ năng đọc, viết đoạn văn chứa uọc, ươt, ươm, ượp	1		
17		Rèn kĩ năng đọc, viết đoạn văn chứa ươn, ương, oa, oe	1		

		Rèn kĩ năng đọc, viết đoạn văn chứa oan, oăn, oat, oắt	1		
18		Rèn kĩ năng viết tiếng, từ theo yêu cầu.	1		
		Chữa bài khảo sát cuối kì.	1		
19		Rèn kĩ năng viết chính tả, phân biệt n/l, s/x, tr/ ch	1		
		Luyện viết theo cỡ chữ nhỏ	1		
20		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt uyt/ it, uyêt/ iêt	1		
		Luyện nói theo chủ điểm: Tôi và các bạn	1		
21		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt l/ n, c/ k	1		
		Rèn kĩ năng đọc theo chủ điểm: Mái ấm gia đình	1		
22		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt d/ r/ gi; ng/ ngh	1		
		Luyện nói theo chủ điểm: Mái ấm gia đình	1		
23		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt ươn/ ương; g/ gh	1		
		Luyện viết theo cỡ chữ nhỏ	1		
24		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt ao/ au; s/x	1		

		Rèn kĩ năng đọc theo chủ điểm: Mái trường mến yêu	1		
25		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt anh/ oanh, g/gh	1		
		Rèn kĩ năng đặt - viết câu theo tranh	1		
26		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt ươt/ ược, oac/ oach	1		
		Rèn kĩ năng đọc theo chủ điểm: Điều em cần biết	1		
27		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt ai/ ay	1		
		Rèn kĩ năng sắp xếp câu, đặt - viết câu theo gợi ý	1		
28		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt d/ r/ gi, ch/ tr	1		
		Rèn kĩ năng đọc theo chủ điểm: Bài học cuộc sống	1		
29		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt ân/uân, iên/ yên	1		
		Rèn kĩ năng sắp xếp câu, đặt - viết câu theo gợi ý	1		
30		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt êng/ iêng; êt/ iêt	1		
		Rèn kĩ năng đọc theo chủ điểm: Thiên nhiên kì thú	1		
31		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt s/x, uôn/ uông	1		
		Rèn kĩ năng sắp xếp câu, đặt - viết câu theo gợi ý	1		

32		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt ui/ uy, anh/ênh	1		
		Luyện nói theo chủ điểm: Thế giới trong mắt em	1		
33		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt inh/ uynh; oan/ oăn	1		
		Rèn kĩ năng đọc theo chủ điểm: Đất nước và con người	1		
34		Rèn kĩ năng viết. Phân biệt anh/ ach; uot/ uơp	1		
		Luyện nói theo chủ điểm: Đất nước và con người	1		
35		Ôn tập	1		
		Chữa bài kiểm tra	1		
TỔNG			70		

10.2. củng cố Toán

Tuần/ tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng		
1	CHỦ ĐỀ 1:	Ôn: Các số 0,1,2, 3,4, 5	1		
2		Ôn: Các số 6,7,8,9,10	1		
3		Ôn: Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau	1		

4	CÁC SỐ TỪ 0 ĐẾN 10	Ôn: So sánh số	1		
5		Ôn: Mấy và mấy	1		
6		Ôn: Các số từ 0 đến 10. So sánh số	1		
7	LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH PHẪNG	Ôn: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật	1		
8		Ôn: Thực hành lắp ghép, xếp hình	1		
9		Ôn: Luyện tập chung về các hình	1		
10	PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10.	Ôn: Phép cộng trong phạm vi 10	1		
11		Ôn: Phép trừ trong phạm vi 10	1		
12		Ôn số 0 trong phép cộng và phép trừ	1		
13		Ôn: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10	1		
14		Ôn: Luyện tập chung về phép cộng và phép trừ trong phạm vi 10	1		
15	LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH KHỐI	Ôn: Khối lập phương, khối hộp chữ nhật	1		
16		Ôn: Vị trí, định hướng trong không gian.	1		
17	ÔN TẬP HỌC KÌ I	Ôn tập các số trong phạm vi 10	2		
18		Ôn tập về phép cộng và phép trừ trong phạm vi 10	2		
19	CÁC SỐ ĐẾN 100.	Ôn: Số có hai chữ số	1		
20		Ôn: Các số tròn chục	1		

21		Ôn: So sánh số có hai chữ số	1		
22		Ôn: Các số có hai chữ số	1		
23	ĐỘ DÀI VÀ ĐO ĐỘ DÀI.	Ôn: Dài hơn, ngắn hơn	1		
24		Ôn: Đơn vị đo độ dài. Xăng-ti-mét	1		
25	PHÉP CỘNG PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100.	Ôn các số có hai chữ số	1		
26		Ôn: Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số.	1		
27		Ôn: Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số.	1		
28		Ôn: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.	1		
29		Ôn: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số.	1		
30	THỜI GIAN. GIỜ VÀ LỊCH.	Ôn: Phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100	1		
31		Ôn: Xem giờ đúng trên đồng hồ.	1		
32		Ôn: Các ngày trong tuần.	1		
33	ÔN TẬP CUỐI NĂM	Ôn: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10.	1		
34		Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100.	1		

35		Ôn tập hình học	1		
TỔNG			37		

11. An toàn giao thông

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng		
1		Bài 1: Đường em tới trường/4	1		
2		Bài 2: Đèn tín hiệu giao thông/8	1		
3		Bài 3: Đi bộ trên đường an toàn/13	1		
4		Bài 4: Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông/16	1		
5		Bài 5: Nhớ đội mũ bảo hiểm/20	1		
TỔNG			5		

12. Thư viện (Đọc, học thư viện)

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
----------------	--------------------------------	--	---------

	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng		
6		Làm quen với Thư viện thân thiện	1		
7	ĐTV	Học nội quy thư viện	1		
8		Chọn sách em yêu thích	1		
9		Sách tranh về các con số kì diệu	1		
10		Cơ thể em khoẻ mạnh	1		
11		Lắng nghe giai điệu thiên nhiên	1		
12		Sắc màu trong từng trang sách	1		
13		Nói lời hay, làm việc tốt	1		
14	ĐTV	Đọc to nghe chung	1		
15		Những cây xanh thông minh	1		
16		Giao thông an toàn, em ghi nhớ	1		
19		Sáng tạo cùng các hình vẽ trong sách	1		
20		Lớp học gọn gàng, sạch đẹp	1		
21	ĐTV	Cùng đọc	1		
22		Thế giới loài vật quanh em	1		

23		Tập đo độ dài bằng hình ảnh	1		
24		Những nghề nghiệp em yêu	1		
25		Đọc cùng câu đố dân gian	1		
26		Luyện đọc từ ngữ qua thơ thiếu nhi	1		
27		Đọc truyện theo nhóm bạn	1		
28		Tìm hiểu những kiến thức giao thông đường bộ	1		
29		Câu chuyện của những hình khối	1		
30		Em tập làm nhà diễn xuất	1		
31		Khám phá bầu trời và thời tiết	1		
32		Bài hát từ những vần thơ	1		
33	ĐTV	Đọc cá nhân	1		
34		Ngày hội chia sẻ cuốn sách em yêu	1		
35		Tổng kết và khen thưởng "Góc đọc thông thái"	1		
TỔNG			28		

13. Năng lực số (AI)

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học		
1, 2		Bài 1: Thiết bị có ứng dụng AI trong đời sống	2		
3, 4		Bài 2: AI nhìn thấy gì?	2		
5, 6		Bài 3: AI trong tìm kiếm	2		
7, 8		Bài 4: Bức tranh "Gia đình yêu thương"	2		
9, 10		Bài 5: Làm quen với Internet để giao tiếp	2		
11, 12		Bài 6: Bài hát về công việc của người thân trong gia đình	2		
13, 14, 15		Bài 7: Bộ sưu tập hình ảnh món ăn truyền thống ở địa phương em	3		
16, 17		Bài 8: Bản nhạc trong vòm lá	2		
18, 19		Bài 9: Bức tranh "Gia đình em vui đón Tết"	2		
20, 21		Bài 10: Bức tranh em và bạn	2		
22, 23, 24		Bài 11: Hình ảnh con vật em yêu thích	3		
25, 26		Bài 12: Bộ sticker các loại thức ăn, đồ uống giúp cơ thể khỏe mạnh và an toàn	2		
27, 28		Bài 13: Hình ảnh hoạt động có lợi cho sức khỏe	2		
29, 30, 31		Bài 14: Bản giới thiệu du lịch địa phương em	3		

32, 33		Bài 15: Flashcard giới thiệu vật dụng phù hợp với hiện tượng thời tiết	2		
34, 35		Bài 16: Thẻ hoạt động trong ngày của em	2		
TỔNG			35		

14. Giáo dục địa phương

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học		
30, 31	CHỦ ĐỀ 1: CẢNH ĐẸP TRÊN QUÊ HƯƠNG	Cảnh đẹp trên quê hương em	2	- Tiết 1: HĐKD + HĐKP dạy thực hành vào môn HĐTN bài 19 (Tuần 30) *Một số cảnh đẹp của Hưng Yên (cũ): Phố Hiến, đảo Cò, làng Nôm, khu đô thị Ecopark,... - Tiết 2: HĐTH - VD dạy vào môn HĐTN bài 20 (Tuần 31)	
Tuần đệm HKI	CHỦ ĐỀ 2: KHU CHỢ QUÊ EM	Khu chợ quê em	2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm Chợ quê *Một số chợ lớn tại Hưng Yên (cũ): chợ Phố Hiến, Chợ Gạo, chợ Bao Bì, chợ Như Quỳnh,...	
	CHỦ ĐỀ 4: DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ	Di tích lịch sử - văn hoá quê hương em	2	* Một số địa danh tiêu biểu của tỉnh Thái Bình (cũ): chùa Keo (xã Vũ Tiên), đền Trần (xã Long Hưng), đền Tiên La (xã Tiên La), nhà lưu niệm	

	QUÊ HƯƠNG EM			Bác Hồ (phường Thái Bình), khu tưởng niệm đ/c Nguyễn Đức Cảnh,...	
13	CHỦ ĐỀ 3: NGÀNH NGHỀ QUÊ HƯƠNG EM	Ngành nghề quê hương em	2	- Tiết 1: HĐKD + HĐKP dạy TH vào bài 11, tiết 1 môn TNXH. (Tuần 13) * Một số ngành nghề của Thái Bình (cũ): dệt chiếu cói làng Hới (xã Long Hưng), chạm bạc Đồng Xâm (xã Trà Giang), làm bánh cáy làng Nguyễn (xã Đông Hưng), thêu Minh Lãng (xã Thư Trì),... - Tiết 2: HĐTHLT + HĐVDMR dạy TH vào bài 11, tiết 2 môn TNXH. (Tuần 13)	
13, 14	CHỦ ĐỀ 5: TRÒ CHƠI DÂN GIAN QUÊ HƯƠNG EM.	Trò chơi dân gian quê hương em.	2	- Tiết 1: HĐKD + HĐKP dạy TH vào tiết HĐTN bài 8 (tuần 13) * Một số trò chơi bơi ống, vật cầu, thi làm cỗ cá, thi kéo lửa nấu cơm - Tiết 2: HĐTHLT+VD MR dạy TH vào tiết HĐTN bài 8 (tuần 14)	
27, 28	CHỦ ĐỀ 6: SINH HOẠT HÈ NƠI EM SỐNG.	Sinh hoạt hè nơi em sống.	2	- Tiết 1: HĐKD + HĐKP dạy vào môn HĐTN bài 18 (tuần 27) - Tiết 2: HĐTHLT + HĐVDMR dạy TH vào môn HĐTN. (tuần 28)	

15. Sinh hoạt tập thể định kỳ

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Thời lượng		
2	VUI TRUNG THU	Trải nghiệm trung thu “Đêm hội trăng rằm”	3	Trò chơi dân gian, lễ hội, phong tục tập quán, các món ăn trong ngày tết trung thu.	
10	TRI ÂN THẦY CÔ	Trải nghiệm hoạt động tập thể 20/11	3	Thi văn nghệ chào mừng 20/11	
Tuần đệm	NGÀY TẾT QUÊ EM	Trải nghiệm ngoài nhà trường	7	HS tham gia các hoạt động vui chơi, trải nghiệm.	
27	TIẾN BUƯỚC LÊN ĐOÀN	Trải nghiệm HĐTT: Kỉ niệm 26/3	3		
30	HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN	Ngày hội đọc sách	3	Vẽ, kể chuyện, đọc thơ, truyền thống văn hoá đọc,...	
		TỔNG	19		

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giáo viên

1.1. Giáo viên chủ nhiệm

- Nghiên cứu nắm chắc chương trình HĐTN trong và ngoài nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch HĐTN cho lớp và thực hiện theo sự phân công của tổng phụ trách.
- Xây dựng các hình thức tổ chức HĐTN theo kế hoạch cá nhân, tổng phụ trách, nhà trường để học sinh được hoạt động.
- Giáo viên chủ nhiệm khối 1 căn cứ vào kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục của khối 1 để xây dựng kế hoạch dạy học của từng môn học và hoạt động giáo dục do mình phụ trách giảng dạy.

1.2. Giáo viên phụ trách môn học

- Nghiên cứu kĩ chương trình CTGDPT 2018, sách giáo khoa, sách giáo viên đối với lớp 1 và các nội dung liên quan khác.
- Xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục được phân công phù hợp với thực tiễn.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học các môn học, HĐGD.
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục.
- Đánh giá chất lượng học tập của học sinh thông qua việc thực hiện kế hoạch giáo dục.
- Kết hợp với các thành phần trong nhà trường để thực hiện kế hoạch giáo dục đã xây dựng.
- Giáo viên giảng dạy môn chuyên căn cứ vào kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục của khối 1 để xây dựng kế hoạch dạy học của từng môn học và hoạt động giáo dục do mình phụ trách giảng dạy.

2. Tổ trưởng

- Chỉ đạo nghiên cứu chương trình giáo dục.
- Chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch để kiểm tra, đánh giá thực hiện.
- Tổ chức thảo luận những băn khoăn, thắc mắc từng tuần, từng tháng.

- Giám sát và đôn đốc việc thực hiện của các đồng chí giáo viên phụ trách giảng dạy khối lớp 1 theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

3. Tổ phó

- Cùng tổ trưởng chỉ đạo nghiên cứu chương trình giáo dục.
- Cùng tổ trưởng chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giáo dục.
- Cùng tổ trưởng xây dựng kế hoạch để kiểm tra, đánh giá thực hiện.
- Cùng tổ trưởng tổ chức thảo luận những băn khoăn, thắc mắc từng tuần, từng tháng.

4. Tổng phụ trách đội

- Nghiên cứu chương trình HĐTN theo chương trình GDPT 2018 để xây dựng các chủ đề, các hoạt động theo hình thức sinh hoạt dưới cờ.

- Thống nhất với tổ chuyên môn về nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt dưới cờ theo các chủ điểm phù hợp với mục tiêu CTGDPT 2018.

- Tổ chức xây dựng các hoạt động dưới cờ theo kế hoạch đề ra.
- Đánh giá kết quả HĐTN cho một số lớp.

Trên đây là Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1.

Nơi nhận:

- Giáo viên (Để thực hiện);
- Các Phó Hiệu trưởng (Để chỉ đạo);
- Lưu: Hiệu trưởng, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Đào

TỔ TRƯỞNG

Đỗ Thị Phương

